

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 50 /2017/ HNGĐ-ST  
Ngày: 31 tháng 7 năm 2017  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Bá Diễn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Huy Giáp.
2. Ông Lộc Văn Bậu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiên Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Ngọc Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 237/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2017, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Hải M, sinh năm 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Địa chỉ cư trú: khu phố 10, phường T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Ong Bình A, sinh năm 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ cư trú: ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

( Chị M và anh A đều có mặt tham gia phiên tòa )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Cao Hải M trình bày:*

Chị và anh A tự nguyện kết hôn và ngày 15/6/2007, được UBND xã A,

huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn. Chị và anh A có một con chung là cháu Ong Phúc T, sinh ngày 06/12/2007.

Sau khi kết hôn, chị, anh A và cháu T sinh sống tại khu nhà trọ của công ty TNHH M tại ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nhưng sau này, do anh A ham chơi, bài bạc, không lo cho kinh tế gia đình, còn đánh, chửi chị và quan điểm sống của vợ chồng không phù hợp, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều nên ngày 24/3/2016, chị mang theo cháu T ra thuê nhà trọ ở riêng cho đến nay. Tình cảm yêu thương của chị đối với anh A không còn nên chị xin được ly hôn với anh A. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T vì cháu đang ở với chị và chị vẫn chăm sóc tốt cho cháu. Chị có đủ điều kiện nuôi con vì chị làm nhân viên bán căn tin trong Bệnh viện đa khoa khu vực T, lương trung bình 5.000.000đ/01 tháng; ngoài giờ hành chính, chị còn buôn bán quần áo, thu nhập thêm khoảng 2.000.000đ/01 tháng nên đủ khả năng nuôi con. Chị không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con. Nợ chung không có; tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là anh Ong Bình A trình bày:*

Anh công nhận chị M trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn nhân, con chung, nợ chung như vậy là đúng. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị M trình bày không đúng. Tuy anh có bài bạc một thời gian nhưng anh không đánh, chửi vợ. Lý do chị M mang con ra ngoài ở là vì lúc đó anh ham chơi và vợ chồng làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn chứ không phải anh ngược đãi gì vợ, con. Anh vẫn còn yêu thương vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị M vẫn ở nơi cư trú hiện nay thì anh đồng ý để chị M nuôi con. Còn nếu chị M đưa con đi nơi khác thì phải giao con cho anh nuôi. Anh đang làm công nhân trong công ty TNHH M, lương khoảng 6.000.000đ/01 tháng nên anh có đủ điều kiện để nuôi con, không cần chị M phải cấp dưỡng nuôi con. Anh không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Nợ chung: không có.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung tranh chấp: Yêu cầu của chị M là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị M, anh A trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa và kết quả xác minh tại địa phương nơi anh A, chị M và cháu T sinh sống, có đủ căn cứ xác định: Hôn nhân của chị M và anh A là hôn nhân hợp pháp. Chị M và anh A có một con chung là cháu Ong Phúc T, sinh ngày 06/12/2007. Trong thời gian chung sống vợ chồng, giữa chị M và anh A đã phát sinh mâu thuẫn về quan điểm, lối sống; không có sự yêu

thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu của chị M về việc xin ly hôn với anh A là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Cả chị M và anh A đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T. Việc mong muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là nguyện vọng chính đáng của các bên đương sự. Nhưng xét thấy chị M có việc làm và thu nhập ổn định. Cháu T đang ở với chị M và được chị M chăm sóc tốt. Nguyện vọng của cháu T cũng mong muốn được ở với mẹ. Xét quyền lợi về mọi mặt của con thì việc giao cháu T cho chị M nuôi là tốt hơn. Do vậy chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị M không yêu cầu nên tạm thời anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về nợ chung và tài sản chung: Các đương sự đều khai không có nợ chung và không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Do vậy Tòa án không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của anh A, chị M trong vụ án này.

[4] Về án phí ly hôn: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ và được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về việc chấp nhận yêu cầu của chị M xin được ly hôn và được trực tiếp nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều: 28, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Hải M. Chị Cao Hải M được ly hôn với anh Ong Bình A.

Về con chung: Giao cho chị Cao Hải M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ong Phúc T, sinh ngày 06/12/2007. Tạm thời anh Ong Bình A không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Chị Cao Hải M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Ong Bình A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ong Phúc T.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Cao Hải M phải nộp 300.000đ và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị Cao Hải M đã nộp theo biên lai thu số 005161 ngày 12/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Như vậy chị Cao Hải M đã nộp đủ tiền án phí.

**3. Chị Cao Hải M và anh Ong Bình A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND.huyện Trảng Bom;
- Thi hành án DS huyện T;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu;
- UBND xã A, Huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký tên)**

**Bùi Bá Diễn**



